CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia[1].

---

[1] Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước có mục tiêu, nội dung, sản phẩm không thuộc mục tiêu, nội dung, sản phẩm của các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do các quỹ của Nhà nước về khoa học và công nghệ tài trợ, bao gồm;

a) Đề án khoa học cấp quốc gia, đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia, dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

Các nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b của khoản này sau đây gọi chung là nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị quản lý nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý nhiệm vụ) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao trách nhiệm quản lý các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. *Đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trực tiếp quản lý ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia."

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

Nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia phải đáp ứng được các quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Mã số của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

Mã số nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được ghi như sau: TĐLCN.XX/YY, DAĐLCN.XX/YY, ĐTĐLXH.XX/YY, ĐAĐLQG.XX/YY.

Trong đó:

1. ĐTĐLCN là ký hiệu chung cho các đề tài độc lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

2. DAĐLCN là ký hiệu chung cho các dự án độc lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

3. ĐTĐLXH là ký hiệu chung cho các đề tài độc lập thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

4. ĐAĐLQG là ký hiệu chung cho các đề án độc lập.

5. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ sắp xếp theo từng nhóm ĐTĐLCN, DAĐLCN, ĐTĐLXH trong năm bắt đầu thực hiện.

6. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

7. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Điều 5. Công bố danh mục, đăng ký, lưu giữ và thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

1. Thông tin về nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia (bao gồm: Danh mục các nhiệm vụ đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp; kết quả trúng tuyển; kết quả thực hiện nhiệm vụ) được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://www.most.gov.vn) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành.

2. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được thực hiện theo những quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

3. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập được thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và công nghệ và Luật báo chí. Các bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từ nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, các tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ.

Điều 6. Tài chính của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia gồm kinh phí thực hiện các nội dung và kinh phí quản lý các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. Kinh phí thực hiện nội dung của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được cân đối về Bộ Khoa học và Công nghệ để giao cho tổ chức chủ trì chi cho thực hiện các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia theo tiến độ của hợp đồng.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được cân đối về Bộ Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Chương II
TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỘC LẬP CẤP QUỐC GIA

Điều 7. Xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

1. Việc xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng sau khi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, đơn vị quản lý nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao trực tiếp cho tổ chức có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện.

Điều 8. Ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ[2]

1[3]. Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ"

Điều 9. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, ngành, địa phương chủ quản. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương chủ quản tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia theo hợp đồng đã ký.

---

[2] Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt chủ trương và ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị quản lý nhiệm vụ điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì, trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 11. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả[4] thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

Điều 12. Quản lý sản phẩm của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

---

[4] Cụm từ "và thanh lý hợp đồng" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị quản lý nhiệm vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định Danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia;

b) Phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia;

c) Cùng với đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia;

d) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;

đ) Chủ trì kiểm tra; phối hợp thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10;

e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả[5] thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia;

g) Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện bộ, ngành, địa phương sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị quản lý kinh phí

a) Phối hợp tổ chức thẩm định, trình quyết định phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ;

b) Cùng với đơn vị quản lý nhiệm vụ ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

---

[5] Cụm từ "và thanh lý hợp đồng" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;

d) Chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

đ) Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ;

e) Phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia với Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia do bộ, ngành, địa phương đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại Thông tư quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Kết quả việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với đơn vị quản lý kinh phí và đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Bộ Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Bộ Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, ngành, địa phương chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[6]

---

[6] Điều 4, Điều 5 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã ký hợp đồng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng các quy định có liên quan tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN, Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN và Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./."

Điều 17. Vận dụng Thông tư

Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Thông tư này để xây dựng và ban hành các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh cho phù hợp.

Điều 18. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

2. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 03/VBHN-BKHCN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Giang